

Bản án số: 279/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 11 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân D:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân D huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 423/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Dương Chí D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp Nam Ch, xã Tân D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Châu Thúy D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp Nam Ch, xã Tân D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Anh D và chị D chung sống năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D xã Tân D. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ly thân khoảng 1 tháng nay. Anh D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị D nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống anh D và chị D có 02 con chung tên Dương Bảo Tr sinh ngày 31/10/2012 và Dương Triệu V sinh ngày 28/12/2020. Hiện các cháu đang sống cùng anh D. Khi ly hôn cháu Tr có nguyện vọng sống cùng ai người đó nuôi dưỡng, đối với cháu V anh yêu cầu giao cho chị D nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ: Anh D xác định anh và chị D không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Châu Thuý D*: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến chị D để chị biết được yêu cầu khởi kiện của anh D nhưng chị D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh D và không tham gia hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Dương Chí D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Châu Thuý D đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng D sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội D: Anh D và chị D chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện tại đã sống ly thân. Anh D xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Xét yêu cầu ly hôn của anh D thấy rằng, anh D yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị D đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị D không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh D, cho anh D ly hôn với chị D là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của anh D thấy rằng: Theo đơn trình bày nguyện vọng của Bảo Tr thể hiện, Bảo Tr có nguyện vọng được sống cùng anh D, do đó giao Bảo Tr cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp; đối với Triệu V anh D yêu cầu giao cho chị D nuôi dưỡng, chị D không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con nên giao Triệu V cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con anh D không yêu cầu, chị D cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Anh D xác định không có, chị D không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí D sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng D sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng D sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Chí D.
 - Về hôn nhân: Cho anh Dương Chí D được ly hôn với chị Châu Thuý D.
 - Về con chung: Giao Dương Bảo Tr sinh ngày 31/10/2012 cho anh Dương Chí D nuôi dưỡng; giao Dương Triệu V sinh ngày 28/12/2020 cho chị Châu Thuý D nuôi dưỡng cho đến khi Bảo Tr và Triệu V đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Dương Chí D và chị Châu Thuý D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Dương Chí D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001822 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án D sự huyện Đầm D (anh D đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân D tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân D huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án D sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân D xã Tân D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**